

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/HSPT

Ngày 05 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng

Ông Bùi Anh Tuấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Kiều Diễm, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2017/HSPT ngày 24 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo Võ Hoàng N và 03 bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 11/2017/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/. Họ và tên: **Võ Hoàng N** (tên gọi khác: O), sinh năm 1987 tại Cà Mau. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, thành phố M, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Ấp S, xã V, thành phố M, tỉnh Cà Mau; trình độ văn hóa: 3/12; nghề nghiệp: Làm thuê; cha là Võ Văn A, sinh năm 1963 và mẹ là Lê Thị M (đã chết); có vợ tên Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1980; có 01 người con, sinh năm 2014; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Ngày 06/11/2009, Tòa án nhân dân thành phố M xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 08/9/2011; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/10/2016 cho đến nay, (có mặt)

2/. Họ và tên: **Nguyễn Trung T**, sinh năm 1993 tại Cà Mau. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp Xóm L, xã B, thành phố M, tỉnh Cà Mau; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Làm thuê; cha là Nguyễn Văn T (đã chết) và mẹ là Tô Thị D, sinh năm 1955; anh, chị, em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1996; bị cáo chưa có vợ; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

3/. Họ và tên: **Tôn Văn H** (tên gọi khác: I), sinh năm 1984 tại Cà Mau. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã T, thành phố M, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Ấp A, xã B, thành phố M, tỉnh Cà Mau; trình độ văn hóa: 02/12; nghề nghiệp: Sửa xe; cha là Tôn Văn L, sinh năm 1952 và mẹ là Nguyễn Thị T (đã chết); có vợ tên Mã Thị Hồng D, sinh năm 1989; có 01 người con, sinh năm 2010; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

4/. Họ và tên: **Lê Thanh C** (tên gọi khác: S), sinh năm 1984 tại Cà Mau. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp A, xã B, thành phố M, tỉnh Cà Mau; trình độ văn hóa: Không biết chữ; nghề nghiệp: Làm thuê; cha là Lê Văn L (đã chết) và mẹ là Lâm Thị H, sinh năm 1952; anh, chị, em ruột có 06 người, lớn nhất sinh năm 1971 và nhỏ nhất sinh năm 1988; bị cáo chưa có vợ; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

Bị hại không kháng cáo: Chị **Phan Hằng N**, sinh năm 1993. Trú tại: Ấp C, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Trần Quốc Q (tên gọi khác: T), sinh năm 1997. Trú tại: Ấp A, xã B, thành phố M, tỉnh Cà Mau do không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không tiệu tập.

NHẬN THẤY:

Theo Bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ ngày 10/9/2016, bị cáo Võ Hoàng N đi bộ ngang nhà chị Phan Hằng N thì thấy xe mô tô 94B1-067.68 của chị N để trước nhà, không có người trông coi nên bị cáo N đi đến dẫn xe ra đường lộ rồi phá khóa xe điều khiển xe chạy về cát giấu trong bụi cây gần nhà vợ của bị cáo tại Ấp 4, xã V, thành phố M, tỉnh Cà Mau và cạo, sửa biển số xe 94B1-067.68 thành số 94D1-007.60. Đến ngày 15/9/2016, bị cáo N gặp bị cáo Trần Quốc Q kêu bán xe trên, nhưng bị cáo Q không mua do không có tiền; biết rõ xe mô tô do bị cáo N phạm tội mà có nhưng bị cáo Q vẫn đồng ý tìm người bán xe giúp cho bị cáo N. Bị cáo Q điều khiển xe mô tô nói trên đến tiệm sửa xe V thuộc ấp A, xã B, thành phố M, tỉnh Cà Mau do bị cáo Tôn Văn H làm chủ đề kêu bán xe và gặp được bị cáo H cùng các bị cáo Nguyễn Trung T và Lê Thanh C; biết rõ xe mô tô mà bị

cáo Q kêu bán là tài sản do phạm tội mà có nhưng các bị cáo: H góp 500.000 đồng, T góp 1.500.000 đồng và C góp 700.000 đồng để cùng mua xe với giá 2.700.000 đồng. Chiếc xe có giá trị theo định giá là 11.400.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2017/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Võ Hoàng N (O) phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Trần Quốc Q (Tý), Lê Thanh C S, Nguyễn Trung T và Tôn Văn H (tên gọi khác: Hải) phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Võ Hoàng N 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 06/10/2016. Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Quốc Q, Lê Thanh C, Nguyễn Trung T và Tôn Văn H. Riêng các bị cáo C, T, H được áp dụng thêm điểm b, h khoản 1 Điều 46; Điều 47; các Điều 20, 53 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Quốc Q 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 06/10/2016; xử phạt bị cáo Lê Thanh C 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án; xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án; xử phạt bị cáo Tôn Văn H 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/4/2017 bị cáo Võ Hoàng N kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt. Ngày 21/4/2017, các bị cáo Tôn Văn H và Lê Thanh C kháng cáo yêu cầu được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ hay hưởng án treo. Ngày 24/4/2017, bị cáo Nguyễn Trung T kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo và yêu cầu xem xét lại việc xử lý vật chứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo xin giảm án và xin hưởng án treo, các bị cáo H, C rút lại kháng cáo phần cải tạo không giam giữ và bị cáo T rút lại kháng cáo phần yêu cầu xem xét về xử lý vật chứng. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị: Bị cáo Võ Hoàng N có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là chiếc xe của chị N có giá trị qua định giá là 11.400.000 đồng và nhờ bị cáo Q bán lại; các bị cáo Tôn Văn H, Nguyễn

Trung T và Lê Thanh C biết rõ xe mô tô mà bị cáo Q kêu bán là tài sản do phạm tội mà có nhưng bị cáo H góp 500.000 đồng, bị cáo T góp 1.500.000 đồng và bị cáo C góp 700.000 đồng để cùng mua xe với giá 2.700.000 đồng, nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Võ Hoàng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự và các bị cáo Tôn Văn H, Nguyễn Trung T và Lê Thanh C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo N 12 tháng tù và các bị cáo Tôn Văn H, Nguyễn Trung T và Lê Thanh C mỗi bị cáo 04 tháng tù là đã xem xét tất cả các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, tại cấp phúc thẩm các bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ nào mới; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu có lưu trong hồ sơ như biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 3 giờ ngày 10/9/2017, bị cáo Võ Hoàng N đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô 94B1-067.68 của chị N tại ấp C, xã Đ, huyện H qua định giá có giá trị là 11.400.000 đồng. Sau đó bị cáo N bán xe cho bị cáo Trần Quốc Q nhưng bị cáo Q không mua, biết rõ xe mô tô do bị cáo N phạm tội mà có nhưng bị cáo Q vẫn đồng ý tìm người bán xe giúp cho bị cáo N. Bị cáo Q điều khiển xe mô tô nói trên đến tiệm sửa xe V thuộc ấp A, xã B, thành phố M, tỉnh Cà Mau do bị cáo Tôn Văn H làm chủ để kêu bán xe, bị cáo H cùng các bị cáo Nguyễn Trung T và Lê Thanh C biết rõ xe mô tô mà bị cáo Q kêu bán là tài sản do phạm tội mà có nhưng bị cáo H góp 500.000 đồng, bị cáo T góp 1.500.000 đồng và bị cáo C góp 700.000 đồng để cùng mua xe với giá 2.700.000 đồng, chiếc xe có giá trị theo định giá là 11.400.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô 94B1-067.68 của chị Phan Hằng N có giá trị qua định giá là 11.400.000 đồng do bị cáo Võ Hoàng N thực hiện cũng như hành vi mua tài sản mà biết tài sản mua do phạm tội mà có do các bị cáo

Nguyễn Trung T, Tôn Văn H và Lê Thanh C thực hiện nêu trên có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, nên Bản án sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo N và kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo T, H và C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an tại địa phương; hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có còn gây khó khăn trong quá trình điều tra, truy tố xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản nên cần xử lý nghiêm, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định như án sơ thẩm quyết định là phù hợp. Khi quyết định hình phạt cho các bị cáo, cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện đầy đủ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc phẩm và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không cung cấp được chứng cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới so với án sơ thẩm nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo N và xin hưởng án treo của các bị cáo T, H và C, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Các bị cáo kháng cáo, không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các phần Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Trần Quốc Q, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, về án phí hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo yêu cầu xin giảm án của bị cáo Võ Hoàng N (O), xin được hưởng án treo của các bị cáo Lê Thanh C S, Tôn Văn H (I) và Nguyễn Trung T và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố bị cáo Võ Hoàng N (O) phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Lê Thanh C (S) và Tôn Văn H (I) và Nguyễn Trung T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2.1 Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự. **Xử phạt bị cáo Võ Hoàng N (O) 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 06/10/2016.**

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Trung T, Lê Thanh C (S) và Tôn Văn H (I) mỗi bị cáo 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt các bị cáo đi thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm b, đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Võ Hoàng N (O), Lê Thanh C (S), Nguyễn Trung T và Tôn Văn H (I) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

4. Các phần Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Trần Quốc Q, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, về án phí hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh (2 bản), VKSND huyện ĐH (1 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- TAND huyện ĐH (8 bản);
- CQĐT huyện ĐH (1 bản);
- Chi cục THADS huyện ĐH (1 bản)
- (để thi hành);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Nhà tạm giữ CA huyện H (2 bản)
- (để tổng đạt cho bị cáo Võ Hoàng N);
- Các bị cáo (mỗi bị cáo 1 bản);
- Người bị hại (1 bản);
- Lưu.

Cao Văn Tám